

恒元联合法律事务所 EVER ONE LAW FIRM



法规新知 CL-251001 Điểm tin Pháp luật 2025-10-02

标题

2025年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

Tiêu đề

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

编撰

段晋达 律师

Người soạn

Luật sư Đoàn Tấn Đạt

涉及范围

外国人入籍、越南国籍法、入籍条件、越南语能力、常住要求、生活保障、特殊贡献、双重国籍、国家利益、申请程序、入籍数据、常住卡、居留法
Người nước ngoài nhập tịch, Luật Quốc tịch Việt Nam, Điều kiện nhập tịch, Trình độ tiếng Việt, Thường trú, Bảo đảm cuộc sống, Công lao đặc biệt, Hai quốc tịch, Lợi ích quốc gia, Thủ tục xin nhập tịch, Hồ sơ nhập tịch, Thẻ thường trú, Luật cư trú

Phạm vi

liên quan

Think for you Do for you

为您思考 用心服务



2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

I. 关于加入越南国籍的法律规定

Quy định pháp luật về nhập quốc tịch Việt Nam

外国人取得越南国籍的条件（依据于 2025 年修订的《越南国籍法》第 19 条（经《第 191/2025/NĐ-CP 号议定》第 11 条、第 12 条予以指导，自 2025 年 7 月 1 日起生效））。

Điều kiện để có quốc tịch Việt Nam đối với người nước ngoài (Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam sửa đổi năm 2025 (được hướng dẫn bởi điều 11, điều 12 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/07/2025)).

1. 外国公民及无国籍人士提出加入越南国籍申请书的，如符合下列条件，则可被授予越南国籍：

Công dân nước ngoài và người không quốc tịch có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- a) 具有依照越南法律规定的完全民事行为能力，除未成年人随父亲或母亲申请加入越南国籍，或未成年人的父亲或母亲为越南公民的情况之外；
Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;
- b) 遵守越南宪法和法律；尊重越南民族的文化、传统、风俗、习惯；
Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;
- c) 具备足够的越南语能力以融入越南社群；
Biết tiếng Việt đủ để hòa nhập vào cộng đồng Việt Nam;
- d) 正在越南定居；
Đang thường trú ở Việt Nam;
- e) 在越南的定居时间至申请加入越南国籍之时已满五年以上；
Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;
- f) 具有在越南维持生活的能力。
Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

2. 申请加入越南国籍者，如其配偶或亲生子女为越南公民，则可被授予越南国籍，而无需符合本条第 1 款第 c、đ 及 e 点所规定之条件。

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có vợ hoặc chồng hoặc có con đẻ là công dân Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm c, đ và e khoản 1 Điều này.

3. 申请加入越南国籍者，若属于下列情形之一，则可被授予越南国籍，而无需符合本条第 1 款点 c、d、đ 及 e 点所规定之条件：

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc một trong những trường hợp sau đây thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam mà không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều này:

- a) 父亲或母亲，或祖父母、外祖父母为越南公民；
Có cha đẻ hoặc mẹ đẻ hoặc ông nội và bà nội hoặc ông ngoại và bà ngoại là công dân Việt Nam;
- b) 对越南祖国建设与保卫事业有特别贡献者；
Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam;
- c) 对越南社会主义共和国国家有益者；
Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- d) 随父亲或母亲申请加入越南国籍的未成年人。
Là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ.

4. 申请加入越南国籍者，必须有一个越南语姓名或其他越南民族语言的姓名。若申请加入越南国籍者同时申请保留外国国籍，则可以选择将越南姓名与外国姓名结合为复合姓名。姓名由申请人自行选择，并在授予越南国籍的决定中予以明确记载。

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam phải có tên bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng dân tộc khác của Việt Nam. Trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên do người xin nhập quốc tịch Việt Nam lựa chọn và được ghi rõ trong Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

5. 若申请加入越南国籍会损害越南的国家利益，则该申请人不得被授予越南国籍。

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam không được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

6. 本条第 2 款及第 3 款所规定之申请加入越南国籍者，如符合下列条件并经国家主席批准，则可保留其外国国籍：

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được giữ quốc tịch nước ngoài nếu đáp ứng các điều kiện sau đây và được Chủ tịch nước cho phép:

- a) 保留外国国籍符合该国法律规定；
Việc giữ quốc tịch nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước đó;
- b) 不得利用外国国籍损害机关、组织、个人的合法权益，亦不得危害越南社会主义共和国之安全、国家利益、社会秩序及公共安全。
Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

此外，依据详细规定组织、指引实施《越南国籍法》之若干条款及措施之《第 191/2025 号议定》有规定：

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 191/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam quy định:

- **语言：**申请加入国籍者必须具备足够的越南语能力以融入社会（听、说、读、写能力需符合生活与工作环境）。
Ngôn ngữ: Người xin nhập quốc tịch phải biết tiếng Việt đủ để hòa nhập (nghe, nói, đọc, viết phù hợp môi trường sống và làm việc).
- **常住：**如未获豁免，必须持有由公安签发的常住卡，居留时间自该常住卡签发之日起计算。
Thường trú: Nếu không được miễn, phải có thẻ thường trú do Công an cấp và thời gian thường trú được tính từ ngày cấp thẻ.
- **生活保障：**须以合法财产、收入加以证明，或由越南境内的组织/个人提供担保。
Bảo đảm cuộc sống: Chứng minh bằng tài sản, thu nhập hợp pháp hoặc được tổ chức/cá nhân tại Việt Nam bảo lãnh.

特殊情况：Trường hợp đặc biệt:

- 对祖国建设与保卫有特别功劳者（曾获颁勋章、奖章、高贵荣誉称号，或经有权机关确认者）。

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

Người có công lao đặc biệt trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc (được tặng huân chương, huy chương, danh hiệu cao quý hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận).

- 对越南国家有益者，包括：在各领域（科学、技术、创新、经济、文化、社会、艺术、体育、医疗、教育等）具有卓越才能并经部级机关确认，或曾获国际奖项者。

Người có lợi cho Nhà nước Việt Nam, gồm: Người có tài năng vượt trội trong các lĩnh vực (khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục...) được cơ quan bộ ngành xác nhận hoặc đạt giải thưởng quốc tế.

- 在越南有经商、投资活动的企业家、投资者，经部级管理机关确认其将对越南的发展作出积极且长期贡献者。

Doanh nhân, nhà đầu tư có hoạt động kinh doanh, đầu tư tại Việt Nam, được cơ quan quản lý cấp bộ xác nhận sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển của Việt Nam.

✚ 申请加入越南国籍的程序

Trình tự thủ tục xin nhập quốc tịch Việt Nam

- 当有申请加入越南国籍的需求时，常住于越南的外国公民及无国籍人士，须在其居住地的司法厅提交入籍申请，不得委托他人代为提交。

Khi có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam, công dân nước ngoài và người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam nộp hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam tại Sở Tư pháp nơi người đó cư trú, không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ.

- 受理申请的工作人员有责任检查申请材料的合法性。若材料尚未完整或不符合规定，必须立即指引申请人补充、完善，并依据《补充、完善材料要求单》格式明确说明理由；若材料已完整且符合规定，则予以受理并登记于国籍申请受理簿。

Người thụ lý hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định thì phải hướng dẫn ngay người xin nhập quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ và ghi vào Sổ thụ lý hồ sơ quốc tịch.

- 国家机关及有权限人员将依据《第 191/2025/NĐ-CP 号议定》第 14 条之规定程序进行审查与处理。

Cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền sẽ xem xét giải quyết theo trình tự quy định tại Điều 14 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP.

✚ 申请加入越南国籍的数据报括：

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

Hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam bao gồm:

依据《2008 年越南国籍法》（于 2025 年修订）第 20 条及《第 191/2025/NĐ-CP 号议定》第 13 条，申请数据报括：

Theo Điều 20 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi năm 2025) và Điều 13 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP hồ sơ gồm:

- 入籍申请书（表格）；
Đơn xin nhập quốc tịch (mẫu).
- 出生证、护照或其他合法身份证件之复印件；
Bản sao giấy khai sinh, hộ chiếu hoặc giấy tờ nhân thân hợp lệ.
- 司法履历（在越南及如有居住之外国）；
Lý lịch tư pháp (VN và nước ngoài nếu có cư trú).
- 暂住卡；
Thẻ thường trú.
- 越南语能力证书（或司法厅的面试纪录）；
Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt (hoặc biên bản phỏng vấn của Sở Tư pháp).
- 财务、住所或担保证明文件；
Giấy tờ chứng minh tài chính, nơi ở hoặc bảo lãnh.
- 特殊文件（结婚证、子女为越南公民、勋章、功劳等）如申请豁免条件时提交；
Giấy tờ đặc biệt (kết hôn, con là công dân VN, huân chương, công lao...) nếu xin miễn điều kiện.
- 外国国籍退出证明（符合法定条件申请双国籍者除外）；
Giấy xác nhận thôi quốc tịch nước ngoài (trừ trường hợp xin giữ 2 quốc tịch khi đủ điều kiện).
- 证件照、子女随父/母申请的相关文件（如有）；
Ảnh chân dung, giấy tờ con theo cha/mẹ (nếu có).
- 申请数据须制作三套，并提交至居住地所在省/市司法厅，若居住于越南境外，则提交至越南驻外代表机构（依据《第 191/2025/NĐ-CP 号议定》第 5 条）。
Hồ sơ lập 03 bộ, nộp tại Sở Tư pháp tỉnh/thành phố nơi thường trú, hoặc cơ quan đại diện VN ở nước ngoài nếu cư trú ngoài lãnh thổ VN theo Điều 5 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

II. 法律关于常住卡的规定

Quy định pháp luật về thẻ thường trú

在越南核发常住卡的对象：正在越南常住的越南公民；正在越南暂住的外国人；自 2000 年以前在越南暂住的无国籍人士。

Đối tượng cấp thẻ thường trú tại Việt Nam: Công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam; người không quốc tịch đang tạm trú tại Việt Nam từ năm 2000 trở về trước.

在越南可获审核批准常住的情况：

Các trường hợp được xét cho thường trú tại Việt Nam

- 外国人对越南祖国建设与保卫事业有功劳、贡献，并获得越南国家颁授勋章或国家荣誉称号；
Người nước ngoài có công lao, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam được nhà nước Việt Nam tặng huân chương hoặc danh hiệu vinh dự nhà nước.
- 外国人为科学家、专家，正在越南暂住；
Người nước ngoài là nhà khoa học, chuyên gia đang tạm trú tại Việt Nam.
- 外国人由其父母、配偶、子女为越南公民并正在越南常住担保；
Người nước ngoài được cha, mẹ, vợ, chồng, con là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam bảo lãnh.
- 无国籍人士自 2000 年以前起在越南连续暂住。
Người không quốc tịch đã tạm trú liên tục tại Việt Nam từ năm 2000 trở về trước.

(法律依据：于 2019 年修订补充之《2014 年外国人在越南入境、出境、过境、居留法》)

(Cơ sở pháp lý: Điều 39 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2019)

审核常住的条件：

Điều kiện xét cho thường trú:

- 上述情形中的外国人，如在越南有合法住所并具备稳定收入以保障生活，即可申请常住。
Người nước ngoài quy định tại các trường hợp nêu trên được xét cho thường trú nếu có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập ổn định bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

- 外国人若属于在越南暂住的科学家、专家，必须由其专业领域的部长、部级机关首长或政府所属机关首长提出建议。

Người nước ngoài quy định là nhà khoa học, chuyên gia đang tạm trú tại Việt Nam phải được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn của người đó đề nghị.

- 外国人由其父母、配偶、子女为越南公民并正在越南常住担保的外国人，必须已在越南连续暂住满 3 年以上。

Người nước ngoài được cha, mẹ, vợ, chồng, con là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam bảo lãnh đã tạm trú tại Việt Nam liên tục từ 03 năm trở lên.

对申请常住的外国人确定在越南暂住的时间：外国人按本法第 40 条第 3 款规定，连续在越南暂住 3 年以上的，以口岸签发的入境验证章及出境验证章为准，自提交长住申请书之日起最近 4 年内在越南暂住总时间达 3 年以上（第 40 条依据自 2015/8/20 起生效之第 31/2015/TT-BCA 号通知第 5 条第 2 款第 a 点规定）。

Xác định thời gian đã tạm trú tại Việt Nam đối với người nước ngoài xin thường trú: Người nước ngoài đã tạm trú tại Việt Nam liên tục từ 03 năm trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật được xác định trên cơ sở dấu kiểm chứng nhập cảnh, dấu kiểm chứng xuất cảnh được cấp tại cửa khẩu có tổng thời gian tạm trú tại Việt Nam từ 03 năm trở lên trong 04 năm gần nhất tính đến ngày nộp hồ sơ xin thường trú (Điều 40 được hướng dẫn bởi Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 31/2015/TT-BCA có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2015).

(法律依据：于 2019 年修订补充之《2014 年外国人在越南入境、出境、过境、居留法》第 40 条)。

(Cơ sở pháp lý: Điều 40 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2019).

扩展：对于投资于国际金融中心的专家，依据《第 222/2025/QH15 号决议》第 20 条第 1 款第 b 点，将优先核发常住卡。具体而言，重要投资者、专家、科学家、特殊人才及高级管理者，如在该中心的机构长期工作，将可依据执行机关之建议获得审核发放常住卡，且手续较一般规定更为便利。

Mở rộng: Đối với chuyên gia đầu tư vào Trung tâm Tài chính quốc tế, được ưu tiên cấp thẻ thường trú theo điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị quyết 222/2025/QH15. Cụ thể, nhà đầu tư quan trọng, chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài đặc biệt, nhà quản lý cấp cao làm việc lâu dài tại tổ chức trong Trung tâm này sẽ được xem xét cấp Thẻ thường trú theo đề nghị của Cơ quan điều hành, với thủ tục thuận lợi hơn so với quy định chung.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

✚ 当有需求时，外国人须向省、市公安局出入境管理处接收申请部门提交常住卡申请数据。
Khi có nhu cầu, người nước ngoài nộp hồ sơ xin cấp thẻ thường trú tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ xuất nhập cảnh thuộc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố.

✚ 申请数据报括：Thành phần hồ sơ:

- 常住申请书（表格 NA12）；
Đơn xin thường trú (mẫu NA12);
 - 近期拍摄之照片 3 张，尺寸 2x3 公分，白色背景，正面照，头部不遮盖，不佩戴眼镜（1 张贴于申请书，2 张另附）；
03 ảnh mới chụp, cỡ 2x3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính (01 ảnh dán vào đơn và 2 ảnh để rời).
 - 由申请人国籍国的主管机关签发之司法履历；
Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp;
 - 该人所属国家的代表机构所开立的外交照会，请求越南给予该人常住；
Công hàm của cơ quan đại diện của nước mà người đó là công dân đề nghị Việt Nam giải quyết cho người đó thường trú;
 - 经公证认证的护照复印件；
Bản sao hộ chiếu có chứng thực;
 - 证明符合《外国人在越南入境、出境、过境、居留法》第 40 条规定之常住条件的文件；
Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện được xét cho thường trú quy định tại Điều 40 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
 - 对属于《外国人在越南入境、出境、过境、居留法》第 39 条第 3 款规定的外国人，需提交担保函；
Giấy bảo lãnh đối với người nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 39 của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;
- * 申请数据数量：01（一）套。
* Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

执行机关：省/市公安局出入境管理科。

Cơ quan thực hiện: Phòng Xuất nhập cảnh công an tỉnh/thành phố.

2025 年修订版《越南国籍法》中关于外国人入籍的条件

ĐIỀU KIỆN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI THEO LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM SỬA ĐỔI NĂM 2025

有权机关：出入境管理局。

Cơ quan có thẩm quyền: Cục quản lý xuất nhập cảnh

数据受理地址： 申请人常住所在地之中央直辖市、市公安局出入境管理处。

Địa chỉ tiếp nhận HS: Phòng Quản lý xuất, nhập cảnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người đó thường trú.

办理时限：

Thời gian giải quyết:

- 自收到完整申请数据之日起 4 个月内，由公安部部长审核并决定是否批准常住；如认为有必要补充审查，可延长，但最长不得超过 2 个月。
Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định cho thường trú; trường hợp xét thấy cần phải thẩm tra bổ sung thì có thể kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng.
- 自接获出入境管理局通知之日起 5 个工作日内，中央直辖市、市公安局须通知申请常住之外国人其已获批准。
Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi người nước ngoài xin thường trú thông báo người nước ngoài được giải quyết cho thường trú.
- 自接获批准常住通知之日起 3 个月内，外国人必须前往申请地之中央直辖市、市公安局出入境管理处领取常住卡。
Trong thời hạn 03 tháng kể từ khi nhận được thông báo giải quyết cho thường trú, người nước ngoài phải đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi xin thường trú để nhận thẻ thường trú.

由此可见，依照现行规定，外国人若欲获得越南常住卡，必须完全符合《2014 年外国人在越南入境、出境、过境、居留法》（2019 年修订、补充）之条件。

Như vậy, theo quy định hiện hành, để được cấp thẻ thường trú tại Việt Nam, người nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ điều kiện theo Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

联络方式 / Liên lạc chúng tôi

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, HaNoi

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



广州市天河区金穗路8号 - 星汇国际大厦 22楼
F22 号房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
为您思考 用心服务

